

Bản án số: 43/2025/DS-ST

Ngày: 18/7/2025

Về việc: “Tranh chấp Hợp đồng  
tín dụng”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Hùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

2. Ông Trần Công Danh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thúy Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 443/2024/TLST-ST ngày 25 tháng 4 năm 2024, về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 252/2025/QĐXX-ST ngày 06 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1798/2025/QĐST-DS ngày 27/6/2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

Địa chỉ trụ sở: Số B - B, C, phường D, Quận C (cũ) nay là phường V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngô Phúc V - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy H, sinh năm: 1998.

Địa chỉ: Số B, Võ Thị S, khu phố G, phường T, thành phố B (cũ) nay là phường T, tỉnh Đồng Nai.

(Theo Giấy ủy quyền 196/2025/UQ-NHNA-Đ.Nai ngày 07/5/2025).

**- Bị đơn:** Ông Phạm Tuấn V1, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Số nhà C, Lư Văn V2, khu phố A, phường T (khu K, phường T - mới), thành phố B (cũ) nay là phường T, tỉnh Đồng Nai.

*(Ông H có đơn xin vắng mặt; ông V1 vắng mặt)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ông Phạm Tuấn V1 có vay vốn của Ngân hàng TMCP N (sau đây gọi là Ngân hàng N hoặc Ngân hàng), được cấp vốn vay trên hình thức phát hành thẻ tín dụng tiêu dùng theo hợp đồng sử dụng thẻ số 0467/2022/706-CV ngày 20/10/2022, hạn mức tín dụng với số tiền 100.000.000 đồng. Số lượng thẻ tín dụng được cấp: 03 thẻ (Mastercard chuẩn, JCB chuẩn, C).

Từ khi khoản vay thẻ được phát hành đến tháng 09/2023, ông V1 luôn tuân thủ đúng nghĩa vụ đã giao kết với Ngân hàng N và không phát sinh trễ hạn đóng gốc lãi. Tuy nhiên, kể từ thời điểm 09/2023 ông V1 bắt đầu vi phạm nghĩa vụ nợ dẫn đến khoản nợ bị quá hạn.

Theo các biên bản làm việc nhắc nợ đến thời điểm khởi kiện (ngày 23/03/2024), mặc dù Ngân hàng N đã liên tục làm việc với khách hàng nhiều lần để yêu cầu thanh toán nghĩa vụ nợ nhưng ông V1 không hợp tác, trốn tránh không liên lạc được.

Do ông Phạm Tuấn V1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng N đã chuyển toàn bộ hồ sơ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. **Tính đến ngày 18/7/2025**, ông Phạm Tuấn V1 còn nợ các khoản sau:

- Thẻ MC EMV Standard Credit Main Card: 533147xxxxxx3197. Số tài khoản: 670612224690001. Nợ gốc: 95.606.214 đồng; Nợ lãi: 83.645.996 đồng; Phí: 800.00 đồng. Tổng số tiền cần thanh toán: 180.052.210 đồng;

- Thẻ JCB EMV Standard Credit Main Card: 356519xxxxxx1042. Số tài khoản: 770612224690002. Nợ gốc: 3.376.109 đồng; Nợ lãi: 3.623.674 đồng; Phí: 1.000.000 đồng. Tổng số tiền cần thanh toán: 7.999.783 đồng;

- T: 970428xxxxxx0634. Số tài khoản: 370612224690003. Nợ gốc: 0 đồng; Nợ lãi: 0 đồng; Phí: 0 đồng. Tổng số tiền cần thanh toán: 0 đồng.

Tổng cộng số tiền ông V1 còn nợ tạm tính đến ngày 18/7/2025 là : 188.051.993 đồng *(Một trăm tám mươi tám triệu, không trăm năm mươi một nghìn, chín trăm chín mươi ba đồng).*

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc với ông Phạm Tuấn V1, yêu cầu thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân Hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông V1 trả nợ. Tuy nhiên, ông V1 vẫn chưa

thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình, Ngân hàng N đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tuyên: Buộc ông Phạm Tuấn V1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP N toàn bộ dư nợ tạm tính đến ngày 18/7/2025 là 188.051.993 đồng (Trong đó: số tiền nợ gốc: 98.982.323 đồng; số tiền lãi: 87.296.670 đồng; Phí: 1.800.000 đồng), theo hợp đồng sử dụng thẻ số: 0467/2022/706-CV ngày 20/10/2022.

Trong thời gian chưa thanh toán đủ số nợ, **kể từ ngày 19/7/2025** ông Phạm Tuấn V1 vẫn phải chịu lãi phát sinh theo mức các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ.

\* *Đối với bị đơn là **ông Phạm Tuấn V1***: Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc, không ủy quyền cho người nào khác đến tham gia tố tụng, không có văn bản gửi Tòa án trình bày quan điểm, ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

**\* *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai phát biểu:***

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của các bên đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của pháp luật tố tụng dân sự quy định.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N là có căn cứ.

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phạm Tuấn V1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP N toàn bộ dư nợ tính đến ngày 18/7/2025 là 188.051.993 đồng (Trong đó: số tiền nợ gốc: 98.982.323 đồng; số tiền lãi: 87.296.670 đồng; Phí: 1.800.000 đồng) và tiếp tục phải trả khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/7/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ (theo hợp đồng sử dụng thẻ số: 0467/2022/706-CV ngày 20/10/2022).

- Về án phí DS-ST: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy, ông Nguyễn Huy H là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là **ông Phạm Tuấn V1** đã được Tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ xét xử đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bên đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP N về việc yêu bị đơn **ông Phạm Tuấn V1** phải trả khoản tiền vay và lãi suất phát sinh trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày **20/10/2022**. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; **Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015**.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy:

Ngày 20/10/2022, ông Phạm Tuấn V1 có vay vốn của Ngân hàng TMCP N và được cấp vốn vay trên hình thức phát hành thẻ tín dụng tiêu dùng theo Hợp đồng sử dụng thẻ số 0467/2022/706-CV ngày 20/10/2022, hạn mức tín dụng với số tiền 100.000.000 đồng. Số lượng thẻ tín dụng được cấp: 03 thẻ

Thẻ MC EMV Standard Credit Main Card: 533147xxxxxx3197; số tài khoản: 670612224690001. Thẻ JCB EMV Standard Credit Main Card: 356519xxxxxx1042; số tài khoản: 770612224690002 và Thẻ VCCS Cashcard Credit M: 970428xxxxxx0634. Số tài khoản: 370612224690003.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, mặc dù bị đơn không đến Tòa án làm việc, không có văn bản gửi Tòa án trình bày quan điểm, ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, nhưng qua các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng tín dụng, có đầy đủ chữ ký của bị đơn trong hợp đồng tín dụng cùng với bên cho vay. Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định việc vay tiền giữa bà **ông Phạm Tuấn V1** với Ngân hàng N là có thật. Nội dung thỏa thuận của các bên được ghi trong Hợp đồng tín dụng nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại **khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng**. Nên Hợp đồng phát sinh hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết.

Từ khi khoản vay thẻ được phát hành đến tháng 09/2023, ông V1 luôn tuân thủ đúng nghĩa vụ đã giao kết với Ngân hàng N và không phát sinh trễ hạn đóng gốc lãi. Tuy nhiên, kể từ thời điểm 24/9/2023 ông V1 bắt đầu vi phạm nghĩa vụ nợ dẫn đến khoản nợ bị quá hạn.

Như vậy, **ông Phạm Tuấn V1** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo nội dung đã cam kết, thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. **Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015**; Hợp đồng sử dụng thẻ số 0467/2022/706-CV ngày 20/10/2022 (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm kiêm phương án vay vốn) thì việc khởi kiện đòi nợ của Ngân hàng là có căn cứ.

Tính đến ngày **18/7/2025**, **ông Phạm Tuấn V1** còn nợ Ngân hàng số tiền **tổng cộng là 188.051.993 đồng**. Trong đó: số tiền nợ gốc: 98.982.323 đồng; số tiền lãi: 87.296.670 đồng; Phí: 1.800.000 đồng (Theo bảng kê chiết tính các khoản nợ gốc nợ lãi).

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu bà **ông Phạm Tuấn V1** phải trả số tiền nợ nêu trên là có cơ sở, nên chấp nhận.

Về yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo (**ngày 19/7/2025**) cho đến khi **ông Phạm Tuấn V1** thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Xét thấy, việc các bên thỏa thuận về mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng nêu trên là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân **khu vực 1 – Đồng Nai** phát biểu tại phiên tòa xét thấy phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc **ông Phạm Tuấn V1** phải chịu 9.402.600 đồng (*Chín triệu, bốn trăm lẻ hai nghìn, sáu trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả **Ngân hàng TMCP N** 3.211.000đ (*Ba triệu, hai trăm mười một nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003509 ngày 24/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Biên Hòa (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Đồng Nai).

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; **khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017**; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; **Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng**;

- Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N đối với **ông Phạm Tuấn V1** về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”.

1. Buộc **ông Phạm Tuấn V1** phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP N số tiền là: 188.051.993 đồng (*Một trăm tám mươi tám triệu, không trăm năm mươi một nghìn, chín trăm chín mươi ba đồng*). Trong đó: số tiền nợ gốc: 98.982.323 đồng; số tiền lãi: 87.296.670 đồng; P: 1.800.000 đồng.

Kể từ ngày 19/7/2025, **ông Phạm Tuấn V1** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và các loại phí phát sinh phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc **ông Phạm Tuấn V1** phải chịu 9.402.600 đồng (*Chín triệu, bốn trăm lẻ hai nghìn, sáu trăm đồng*).

Hoàn trả **Ngân hàng TMCP N** 3.211.000đ (*Ba triệu, hai trăm mười một nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003509 ngày 24/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1- Đồng Nai).

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Về việc thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai (1);
- THADS tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

**Trần Văn Hùng**

